TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CĐ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 75/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 04-11- 2021
"V/v Tranh chấp ly hôn
và nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CĐ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Út

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hồ Thị Đoan V

2. Bà Phạm Ngọc Mai

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Ngày 04 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện CĐ xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 51/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 4 năm 2021 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị PV, sinh năm 1971;

Địa chỉ: ấp M, xã M, huyện CT, tỉnh Bến Tre (có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Phạm QT, sinh năm 1970; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp M, xã ML, huyện CĐ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 06/01/2021 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Lâm Thị PV trình bày: Bà và ông Phạm QT cưới nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2006 tại Uỷ ban nhân xã B, huyện C L, tỉnh Trà Vinh. Sau khi cưới, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình ông T và bà V không hợp, ông T không tôn trọng bà, thường xuyên có hành vi bạo lực với bà và không quan tới hạnh phúc gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà V đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông T không có thiện chí nên bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà V yêu cầu ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Phạm Lâm Thiên K, sinh ngày 22/12/2009 hiện đang sống với bà V. Do cháu K có nguyện vọng sống với mẹ nên Bà V

yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản và nợ chung: Bà V trình bày không có.

Đối với bị đơn ông Phạm QT, Tòa án đã tống đạt các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, thông báo phiên tòa sơ thẩm, thông báo hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng ông T không nộp văn bản nêu ý kiến cũng như không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết và thủ tục tố tụng:

Bà Lâm Thị PV khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm QT là quan hệ tranh chấp ly hôn và nuôi con chung. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện CĐ, tỉnh Long An.

Đối với ông Phạm QT, đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai nhưng ông T không đến tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lâm Thị PV và ông Phạm QT cưới nhau vào năm 2006, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 04/7/2006 tại Uỷ ban nhân xã B, huyện C L, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày bà V thì nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn là do tính tình giữa bà V và ông T không hợp, ông T không tôn trọng, thường xuyên có hành vi bạo lực với bà và không quan tới hạnh phúc gia đình nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà V đã nhiều lần hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng ông T không có thiện chí nên bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay. Khi mâu thuẫn xảy ra, bà V cũng cố gắng cùng nhau giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông T, nhưng ông T không có thiện chí. Vì lẽ đó vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01/2019 cho đến nay, Bà V nhận thấy không còn tình cảm với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T. Đối với ông T, Tòa án đã T hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn không nộp cho Tòa án bất cứ văn bản nào trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của bà V và ông T cũng không đến Tòa án để giải quyết cho thấy ông T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà V và ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử chấp nhận cho bà V được ly hôn với ông T.

[2.2] Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Phạm Lâm Thiên K, sinh ngày 22/12/2009 hiện đang sống với bà V. Hội đồng xét xử xét thấy, từ lúc vợ chồng ly thân đến nay con chung sống với bà V và đang có cuộc sống ổn định, cháu K cũng có nguyện vọng sống với mẹ nên bà V yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là phù hợp cần chấp nhận.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con."

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà V không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về chia tài sản và nợ chung: bà V trình bày không có, ông T không có ý kiến nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà V phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

[4] Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Lâm Thị PV với bị đơn ông Phạm QT.

Về hôn nhân: Bà Lâm Thị PV được ly hôn với ông Phạm QT.

[2]. Về nuôi con chung: Có 01 con chung là Phạm Lâm Thiên K, sinh ngày 22/12/2009 hiện đang sống với bà V. Bà V được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi con chung, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà V không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con

Sau khi ly hôn, cha mẹ có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con."

[3]. Về chia tài sản chung và nợ chung: Bà V trình bày không có, ông T không có bất cứ ý kiến nào nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí: Bà Lâm Thị PV phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0009431 ngày 02/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện CĐ, bà V đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền, thời hạn kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người đươc thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự được quyên thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện CĐ;
- Chi cục THADS huyện CĐ;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Út